

## THE PASSIVE

### Exercise 23. Looking at grammar. (Chart 10-6)

Complete each sentence with an appropriate preposition. Hoàn thành mỗi câu sau với giới từ thích hợp.

*Nervous Nick is...*

1. worried \_\_\_\_\_ almost everything in life.
2. frightened \_\_\_\_\_ being around people.
3. also scared \_\_\_\_\_ snakes, lizards, and dogs.
4. terrified \_\_\_\_\_ going outside and seeing a dog.
5. exhausted \_\_\_\_\_ worrying so much.



*Steady Steve is...*

6. excited \_\_\_\_\_ waking up every morning.
7. pleased \_\_\_\_\_ his job.
8. interested \_\_\_\_\_ having a good time.
9. involved \_\_\_\_\_ many community activities.
10. satisfied \_\_\_\_\_ just about everything in his life.

### Exercise 24. Looking at grammar. (Chart 10-6)

Complete the sentences with the present form of the given verbs. Note the **boldface** prepositions that follow them. Hoàn thành các câu sau với dạng hiện tại của các động từ đã cho. Lưu ý các giới từ in đậm đi sau nó.

|         |          |         |         |
|---------|----------|---------|---------|
| compose | interest | oppose  | satisfy |
| finish  | marry    | prepare | ✓ scare |

1. Most children *are scared* of loud noises.
2. Jane \_\_\_\_\_ **in** ecology.
3. Don't clear the table yet. I \_\_\_\_\_ not \_\_\_\_\_ **with** my meal.
4. I \_\_\_\_\_ **with** my progress in English.
5. Tony \_\_\_\_\_ **to** Sonia. They have a happy marriage.
6. Roberta's parents \_\_\_\_\_ **to** her marriage.



They don't like her fiancé.

7. The test is tomorrow. \_\_\_\_\_ you \_\_\_\_\_ **for** it?

8. A digital picture \_\_\_\_\_ **of** thousands of tiny dots called pixels.

### Exercise 25. Looking at grammar. (Chart 10-6)

Complete each sentence with an appropriate preposition. Hoàn thành mỗi câu sau với giới từ thích hợp.



1. Because of the sale, the mall was crowded \_\_\_\_\_ shoppers.

2. Do you think you are qualified \_\_\_\_\_ that job?

3. Mr. Ahmad loves his family very much. He is devoted \_\_\_\_\_ them.

4. My sister is married \_\_\_\_\_ a law student.

5. I'll be finished \_\_\_\_\_ my work in another minute or two.

6. The workers are opposed \_\_\_\_\_ the new health-care plan.

7. Are you acquainted \_\_\_\_\_ this writer?

I can't put her books down!

8. Janet doesn't take good care of herself. I'm worried \_\_\_\_\_ her health.



Can't put her books down: không ngừng đọc sách vì quá thích thú/hào hứng

### Exercise 26. Listening. (Chart 10-6)

Listen to the sentences and write the prepositions you hear. Nghe các câu sau và viết các giới từ mà bạn nghe được.

Example: You will hear: Linda loves her grandchildren. She is devoted to them.

You will write: \_\_\_\_\_ to \_\_\_\_\_

1. \_\_\_\_\_

5. \_\_\_\_\_

2. \_\_\_\_\_

6. \_\_\_\_\_

3. \_\_\_\_\_

7. \_\_\_\_\_

4. \_\_\_\_\_

8. \_\_\_\_\_



### Exercise 27. Looking at grammar. (Chart 10-6)



Complete the sentences with expressions in the list. Use the present and add prepositions as necessary. Hoàn thành các câu sau với các cụm từ trong danh sách. Dùng thì hiện tại và thêm giới từ nếu cần.

be acquainted  
be composed  
be crowded  
be disappointed

be exhausted  
be located  
be made

be qualified  
be spoiled  
✓be worried

1. Dennis isn't doing well in school this semester. He is worried about his grades.

2. My shirt \_\_\_\_\_ cotton.

3. I live in a three-room apartment with six other people. Our apartment \_\_\_\_\_.

4. Vietnam \_\_\_\_\_ Southeast Asia.

5. I'm going to go straight to bed tonight. It's been a hard day. I \_\_\_\_\_.



6. The kids \_\_\_\_\_. I had promised to take them to the beach today, but now we can't go because it's raining.

7. This milk doesn't taste right. I think it \_\_\_\_\_. I'm not going to drink it.

8. Water \_\_\_\_\_ hydrogen and oxygen.

9. According to the job description, an applicant must have a master's degree and at least five years of teaching experience.

Unfortunately, I \_\_\_\_\_ not \_\_\_\_\_ that job.

10. A: Have you ever met Mrs. Novinsky?

B: No, I \_\_\_\_\_ not \_\_\_\_\_ her.



## Exercise 28. Listening. (Chart 10-6)

Complete the sentences with the words you hear. Hoàn thành các câu sau với những từ bạn nghe được.

Example: You will hear: My earrings are made of gold.

You will write: are made of

1. This fruit \_\_\_\_\_ I think I'd better throw it out.

2. When we got to the post office, it

\_\_\_\_\_.

3. Oxford University

\_\_\_\_\_ Oxford,  
England.

4. Haley doesn't like to ride in elevators.

She's \_\_\_\_\_ small spaces.



5. What's the matter? \_\_\_\_\_ you  
\_\_\_\_\_?

6. Excuse me. Could you please tell me how to get to the bus  
station from here?

I \_\_\_\_\_.

7. Your name is Tom Hood? \_\_\_\_\_ you  
\_\_\_\_\_ Mary Hood?

8. Where's my wallet? It's \_\_\_\_\_ Did  
someone take it?

9. Oh, no! Look at my sunglasses. I sat on them and now they

\_\_\_\_\_.

10. It's starting to rain. \_\_\_\_\_ all of the windows  
\_\_\_\_\_?

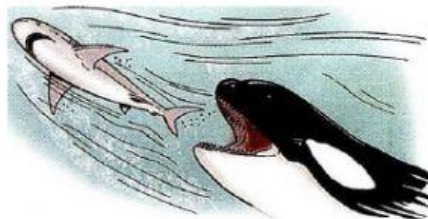


### Exercise 29. Warm-up. (Chart 10-7)

Match three of the sentences with the pictures. One sentence does not match either  
picture. **Nối ba câu dưới đây với các bức tranh phù hợp. Trong đó có một câu là đáp án sai.**



Picture A



Picture B



|                                 |                                   |
|---------------------------------|-----------------------------------|
| 1. The shark is terrified. ____ | 2. The swimmer is terrified. ____ |
|---------------------------------|-----------------------------------|

| 10-7 Participial Adjectives: -ed vs. -ing (Tính từ phân từ: -ed và -ing)                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Art <b>interests</b> me.</p> <p>(a) I am <b>interested</b> art.</p> <p><i>INCORRECT: I am interesting in art.</i></p> <p>(b) Art is <b>interesting</b>.</p> <p><i>INCORRECT: Art is interested.</i></p> <p>The news <b>surprised</b> Kate.</p> <p>(c) Kate was <b>surprised</b>.</p> <p>(d) The news was <b>surprising</b>.</p> | <p>The past participle <b>(-ed)*</b> and the present participle <b>(-ing)</b> can be used as adjectives.</p> <p>In (a): The past participle <b>(interested)</b> describes how a person feels.</p> <p>In (b): The present participle <b>(interesting)</b> describes the <b>cause</b> of the feeling. The cause of the interest is art.</p> <p>In (c): <b>surprised</b> describes how Kate felt. The past participle carries a passive meaning: <i>Kate was surprised by the news.</i></p> <p>In (d): <b>the news</b> was the cause of the surprise.</p> <p>Quá khứ phân từ <b>(-ed)</b> và hiện tại phân từ <b>(-ing)</b> có thể được sử dụng làm tính từ.</p> <p>Trong (a): Quá khứ phân từ <b>(interested)</b> mô tả cảm giác của một người.</p> <p>Trong (b): Hiện tại phân từ <b>(interesting)</b> mô tả nguyên nhân của cảm giác. Nguyên nhân của sự quan tâm là nghệ thuật.</p> <p>Trong (c): <b>surprised</b> miêu tả Kate cảm thấy như thế nào. Quá khứ phân từ mang nghĩa bị động: <i>Kate was surprised by the news.</i></p> <p>Ở (d): <b>the news</b> là nguyên nhân của sự ngạc nhiên.</p> |
| <p>(e) Did you hear the <b>surprising news</b>?</p> <p>(f) Roberto fixed the <b>broken window</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                             | <p>Like other adjectives, participial adjectives may follow <b>be</b>, as in examples (a) through (d), or they may come in front of nouns, as in (e) and (f).</p> <p>Giống như các tính từ khác, tính phân từ có thể đứng sau <b>be</b>, như trong ví dụ (a) đến (d), hoặc chúng có thể đứng trước danh từ, như trong (e) và (f).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

### Exercise 30. looking at grammar. (Chart 1 o-7)

Complete the sentences with the correct word: *girl, man, or roller coaster*. Hoàn thành các câu sau với các từ đúng : *girl, man, or roller coaster*

1. The \_\_\_\_\_ is frightened.

2. The \_\_\_\_\_ is frightening.
3. The \_\_\_\_\_ is excited.
4. The \_\_\_\_\_ is exciting.
5. The \_\_\_\_\_ is thrilling.
6. The \_\_\_\_\_ is delighted.



***"Life is really simple, but we insist on making it complicated."***

***Cuộc sống thực sự rất đơn giản, nhưng chúng ta luôn khẳng khẳng định nó phức tạp.***